

## BÀI 20. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

\*\*\*\*

- Trong giai đoạn từ 1990 đến nay, cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng:
  - Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
  - Giảm tỉ trọng khu vực I và II, tăng tỉ trọng khu vực III.
  - Giảm tỉ trọng khu vực I, khu vực II không đổi, tăng tỉ trọng khu vực III.
  - Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng nhanh tỉ trọng khu vực II, khu vực III chưa ổn định.
- Cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng :
  - Tăng tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.
  - Giảm tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.
  - Giảm dần tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
  - Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh tỉ trọng.
- Thành phần kinh tế nào ở nước ta giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế?
  - Kinh tế tư nhân.
  - Kinh tế tập thể.
  - Kinh tế Nhà nước.
  - Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- Đây là sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ của khu vực I:
  - Các ngành trồng cây lương thực, chăn nuôi tăng dần tỉ trọng.
  - Các ngành thủy sản, chăn nuôi tăng tỉ trọng.
  - Ngành trồng cây công nghiệp, cây lương thực nhường chỗ cho chăn nuôi và thủy sản.
  - Tăng cường độ canh cây lúa, đa dạng hoá cây trồng đặc biệt là cây công nghiệp.
- Số lượng các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta tính đến năm 2015 là:
  - 3
  - 2
  - 4
  - 5
- Tỉ trọng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh trong những năm gần đây là do Việt Nam gia nhập
  - WTO
  - ASEAN
  - APEC
  - ASEM

\*\*\*\*\*

- Từ khi Việt Nam gia nhập WTO, thì vai trò của thành phần kinh tế nào ngày càng quan trọng trong giai đoạn mới của đất nước?
  - Kinh tế cá thể.
  - Kinh tế tập thể.
  - Kinh tế tư nhân.
  - Kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài.
- Vùng phát triển công nghiệp có giá trị sản xuất cao nhất ở nước ta là:
  - Đồng bằng sông Hồng.
  - Bắc Trung Bộ.
  - Đông Nam Bộ.
  - Đồng bằng sông Cửu Long.
- Vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất ở nước ta là:
  - Đồng bằng sông Hồng.
  - Đồng bằng duyên hải Miền Trung.
  - Đồng bằng sông Cửu Long.
  - Câu A và B đúng.
- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta hiện nay phù hợp với quá trình
  - Hội nhập nền kinh tế thế giới.
  - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
  - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
  - Mở rộng đầu tư ra nước ngoài.

11. Ý nào **không đúng** về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế, ở nước ta hiện nay. Hình thành
- A. vùng chuyên canh.
  - B. **khu kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**
  - C. các vùng động lực phát triển kinh tế.
  - D. các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có quy mô lớn.
12. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào sau đây đúng với khu vực II (công nghiệp và xây dựng)
- A. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.
  - B. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác, giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
  - C. Tăng tỉ trọng cả công nghiệp khai thác lẫn công nghiệp chế biến.
  - D. Giảm tỉ trọng cả công nghiệp khai thác lẫn công nghiệp chế biến.
13. Xu hướng nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp ở nước ta.
- A. Tỉ trọng ngành chăn nuôi giảm, tỉ trọng ngành trồng trọt tăng
  - B. Tỉ trọng ngành trồng trọt giảm, tỉ trọng ngành chăn nuôi tăng
  - C. Tỉ trọng cả ngành chăn nuôi và ngành trồng trọt đều giảm
  - D. Tỉ trọng cả ngành chăn nuôi và ngành trồng trọt đều tăng
14. Việc phát huy thế mạnh của từng vùng đã dẫn tới
- A. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa sản xuất giữa các vùng.
  - B. phân hóa sản xuất giữa các vùng và hình thành các vùng kinh tế trọng điểm
  - C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành ngành viễn thông
  - D. hình thành vùng kinh tế trọng điểm và dịch vụ tư vấn đầu tư

\*\*\*\*\*

15. Dựa vào bảng số liệu sau đây về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta thời kì 1990 - 2005. (Đơn vị: %)

Ngành	1990	1995	2000	2005
Trồng trọt	79,3	78,1	78,2	76,7
Chăn nuôi	17,9	18,9	19,3	21,1
Dịch vụ nông	2,8	3,0	2,5	2,2

Loại biểu đồ phù hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản lượng ngành nông nghiệp là :

- A. Hình cột ghép.
- B. Hình tròn.
- C. Miền.
- D. Cột chồng.

16. Dựa vào bảng số liệu sau đây về cơ cấu GDP của nước ta phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2005 , 2013 (theo giá thực tế).

Đơn vị : %)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		N-L-NN	CN-XD	Dịch vụ
2005	100	19,3	38,1	42,6
2013	100	18,4	38,3	43,3

Loại biểu đồ phù hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cấu GDP của nước ta phân theo khu vực kinh tế:

- A. Hình cột ghép.
- B. Hình tròn.
- C. Miền.
- D. Cột chồng.

.....

.....

## BÀI 21, 22.

\*\*\*\*

1. Sản xuất nông nghiệp nước ta có sự phân hóa mùa vụ là do tác động của yếu tố  
A. đất đai  
B. nguồn nước  
C. khí hậu  
D. địa hình
2. Trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt từ năm 1990 đến nay, nhóm cây chiếm tỉ trọng cao nhất là :  
A. cây lương thực..  
B. cây công nghiệp.  
C. cây ăn quả.  
D. Cây rau đậu.
3. Từ năm 1990 đến nay, nhóm cây có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt là  
A. cây lương thực.  
B. cây ăn quả.  
C. cây công nghiệp..  
D. Cây rau đậu.
4. Cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt đới ở nước ta là  
A. hồ tiêu  
B. điều.  
C. chè.  
D. dứa
5. Cây cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng  
A. Bắc Trung Bộ.  
B. Tây Nguyên.  
C. Trung du miền núi Bắc Bộ  
D. Đông Nam Bộ
6. Cây chè được trồng nhiều nhất ở vùng  
A. Bắc Trung Bộ.  
B. Tây Nguyên.  
C. Trung du miền núi Bắc Bộ  
D. Đông Nam Bộ
7. Cây dứa được trồng nhiều nhất ở vùng  
A. Bắc Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ  
C. Duyên hải nam trung Bộ.  
D. Đồng bằng sông Cửu long
8. Mức độ tập trung sản xuất cao su cao nhất là vùng  
A. Bắc Trung Bộ.  
B. Đông Nam Bộ  
C. Duyên hải nam trung Bộ.  
D. Tây Nguyên.
9. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong nguồn thịt của nước ta là:  
A. Thịt trâu.  
B. Thịt bò.  
C. Thịt lợn.  
D. Thịt gia cầm.
10. Thế mạnh nông nghiệp ở Trung du và miền núi nước ta là:  
A. các cây lâu năm và hàng năm.  
B. các cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.  
C. Các cây trồng ngắn ngày, thâm canh ,tăng vụ.  
D. các cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản.
11. Vùng cây ăn quả lớn nhất nước ta là  
A. Đồng bằng sông Cửu Long.  
B. Tây Nguyên  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ
12. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp hiện nay, ngành trồng trọt chiếm (%)  
A. 72.  
B. 73.  
C. 74.  
D. 75

\*\*\*\*

13. Ý nào sau đây **không đúng** với đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa?  
A. Sản xuất hàng hóa, chuyên môn hóa.  
B. Năng xuất lao động cao.  
C. Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng.

- D. Sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc.
14. Nền nông nghiệp hàng hóa đặc trưng ở chỗ:
- A. Mỗi cơ cấu sản xuất, mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm.
  - B. Phần lớn sản phẩm là để tiêu dùng tại chỗ.
  - C. Người sản xuất quan tâm nhiều tới sản lượng.
  - D. Người nông dân quan tâm nhiều hơn tới thị trường tiêu thụ .
15. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta làm
- A. sản xuất nông nghiệp cho năng suất cao.
  - B. sản xuất nông nghiệp ổn định
  - C. sản xuất nông nghiệp mang tính tự cung, tự cấp.
  - D. tăng thêm tính bất bình của sản xuất nông nghiệp
16. Trong cơ cấu cây công nghiệp nước ta chủ yếu là cây công nghiệp nhiệt đới, vì
- A. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa..
  - B. Sự phân hóa đa dạng của khí hậu nước ta
  - C. Nhân dân có kinh nghiệm trồng cây công nghiệp từ lâu đời.
  - D. Mang lại hiệu quả kinh tế cao
17. Hai vùng trọng điểm sản xuất cây công nghiệp lớn nhất nước ta là:
- A. Đông Nam Bộ, Trung du miền núi Bắc Bộ.
  - B. Trung du miền núi Bắc Bộ, Tây nguyên.
  - C. Đông Nam Bộ, Tây nguyên..
  - D. Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ
18. Đây là đặc trưng cơ bản nhất của nền nông nghiệp cổ truyền.
- A. Năng suất lao động và năng suất cây trồng thấp.
  - B. Là nền nông nghiệp tiểu nông mang tính tự cấp tự túc.
  - C. Cơ cấu sản phẩm rất đa dạng.
  - D. Sử dụng nhiều sức người, công cụ thủ công..
19. Trong hoạt động nông nghiệp của nước ta, tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ :
- A. Áp dụng nhiều hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng
  - B. Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp ngày càng đa dạng
  - C. Đẩy mạnh hoạt động vận tải, áp dụng rộng rãi công nghiệp chế biến nông sản.
  - D. Các tập đoàn cây con được phân bố phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng.
20. Hạn chế lớn nhất của nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là :
- A. Tính mùa vụ khắt khe trong nông nghiệp.
  - B. Thiên tai làm cho nông nghiệp vốn đã bất bình càng thêm bất bình..
  - C. Mỗi vùng có thể mạnh riêng làm cho nông nghiệp mang tính sản xuất nhỏ.
  - D. Mùa vụ có sự phân hoá đa dạng theo sự phân hoá của khí hậu
21. Biểu hiện nào sau đây **không đúng** với việc nước ta đang khai thác ngày càng hiệu quả đặc điểm của nền nông nghiệp nhiệt đới?
- A. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn
  - B. Các tập đoàn cây, con được phân bố phù hợp với các vùng sinh thái
  - C. Cơ cấu mùa vụ có những thay đổi quan trọng
  - D. Đẩy mạnh sản xuất, phục vụ nhu cầu trong nước..
22. Đây là vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta :
- A. Đồng bằng sông Hồng .
  - B. Đồng bằng sông Cửu Long.
  - C. Bắc Trung Bộ.
  - D. Đông Nam Bộ.
23. Chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở các vùng nào của nước ta?
- A. Trung du Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng.
  - B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
  - C. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long .

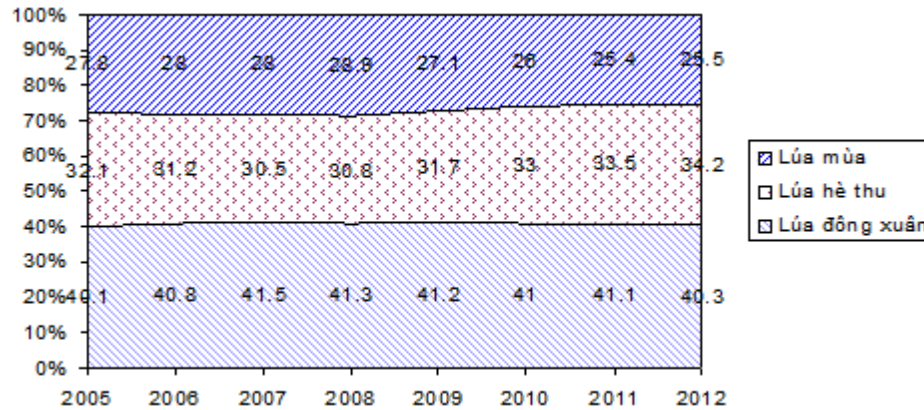
- D. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
24. Bò được nuôi nhiều ở:
- Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải Nam Trung Bộ.
  - Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Hồng.
  - Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
  - Trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.
25. Trâu được nuôi nhiều nhất ở:
- Bắc Trung Bộ.
  - Tây Nguyên.
  - Đồng bằng sông Cửu Long.
  - Trung du và miền núi Bắc Bộ.
26. Theo thống kê năm 2005, cung cấp trên 3/4 sản lượng thịt các loại là
- Đàn bò.
  - Đàn trâu.
  - Đàn lợn.
  - Gia cầm.
27. Chăn nuôi bò sữa đang phát triển mạnh ở
- Một số nông trường Tây Bắc.
  - Một số nơi ở Lâm Đồng.
  - Ven Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
  - Các tỉnh ở Tây Nguyên.
- 28: Đồng bằng sông Cửu Long chiếm tỉ trọng bao nhiêu về diện tích và sản lượng lúa của cả nước:
- Trên 45% về diện tích và trên 45% về sản lượng.
  - Trên 50% về diện tích và trên 50% về sản lượng.
  - Trên 55% về diện tích và trên 45% về sản lượng.
  - Trên 45% về diện tích và trên 55% về sản lượng.
- 29: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta tăng mạnh, chủ yếu là do
- nguồn lao động dồi dào.
  - nhiều giống cho năng suất cao.
  - khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
  - cơ sở thức ăn được đảm bảo.
- 30: Năng suất lúa cả năm của nước ta tăng mạnh, chủ yếu do:
- đẩy mạnh thâm canh.
  - đẩy mạnh xen canh, tăng vụ
  - mở rộng diện tích canh tác.
  - áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.
- 31: Đồng bằng sông Hồng có diện tích rau vụ đông lớn nhất nước là do:
- Truyền thống lâu đời.
  - Nền nông nghiệp mang tính tự túc.
  - Tác động của gió mùa Đông Bắc.
  - Trình độ thâm canh cao.
32. Đặc trưng nào sau đây không phải của nền nông nghiệp cổ truyền?
- Sản xuất với qui mô nhỏ, sử dụng công cụ thô sơ.
  - Người sản xuất quan tâm nhiều đến lợi nhuận
  - Sản xuất đa canh, mang tính tự cấp, tự túc.
  - Năng suất lao động thấp.

\*\*\*\*

33. Dựa vào atlas Địa lí Việt Nam, trong giai đoạn 2000-2007, diện tích lúa nước ta:
- tăng 459 nghìn ha
  - giảm 459 nghìn ha.
  - giảm 459 ha
  - không có biến động
34. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18. Việc hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp đã thể hiện :
- sự phân bố cây trồng cho phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp.

- B. sự thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp.
- C. sự khai thác có hiệu quả hơn nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta.
- D. cơ cấu cây trồng đang được đa dạng hoá cho phù hợp với nhu cầu thị trường.

35. Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. tốc độ tăng trưởng diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta.
- B. sự chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta .
- C. cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ nước ta.
- D. quy mô và cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta.

36. Nền nông nghiệp nước ta đang trong quá trình chuyển đổi rất sâu sắc, với tính chất sản xuất hàng hóa ngày càng cao, quy mô sản xuất ngày càng lớn mạnh, nên chịu sự tác động mạnh mẽ của

- A. Các thiên tai ngày càng tăng
- B. Tính bấp bênh vốn có của nông nghiệp
- C. Sự biến động của thị trường .
- D. Nguồn lao động đang giảm

## BÀI 24. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP

\*\*\*

1. Tổng trữ lượng hải sản ở vùng biển nước ta khoảng:
  - A. 1,9-2,0 triệu tấn
  - B. 2,9-3,0 triệu tấn
  - C. 3,9 – 4,0 triệu tấn.
  - D. 4,9 – 5,0 triệu tấn
2. Nghề nuôi cá tra, cá ba sa trong lồng rất phát triển ở tỉnh :
  - A. Đồng Tháp.
  - B. Cà Mau.
  - C. Hậu Giang.
  - D. An Giang .
3. Ngành nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì :
  - A. Có hai mặt giáp biển, ngư trường lớn.
  - B. Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt .
  - C. Có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú.
  - D. Ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.
4. Nước ta có mấy ngư trường trọng điểm?
  - A. 4.
  - B. 5.
  - C. 6.
  - D. 7
5. Ngư trường nào sau đây không phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?
  - A. Ngư trường Cà Mau-Kiên Giang.
  - B. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.
  - C. Ngư trường Thanh Hóa-Nghệ An-Hà Tĩnh.
  - D. Ngư trường Hải Phòng-Quảng Ninh.
6. Loại nào sau đây không được xếp vào loại rừng phòng hộ?

- A. Rừng đầu nguồn.                      B. Vườn quốc gia  
C. Rừng chắn sóng ven biển.          D. Rừng chắn cát bay

\*\*\*

7. Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi trồng hải sản là :  
A. Đồng bằng sông Hồng.                      B. Đồng bằng sông Cửu Long .  
C. Duyên hải miền Trung.                      D. Đông Nam Bộ.
8. Nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành đánh bắt hải sản, nhờ có:  
A. Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.  
B. Bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng.  
C. Nhân dân có kinh nghiệm đánh bắt.  
D. Phương tiện đánh bắt hiện đại.
9. Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là:  
A. Kênh rạch.                      B. Đầm phá.                      C. Ao hồ.                      D. Sông suối.
10. Nơi thuận lợi để nuôi cá, tôm nước ngọt ở nước ta là:  
A. Rừng ngập mặn                      B. Đầm phá                      C. Ao hồ.                      D. Bãi triều
11. Hai tỉnh có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất ở nước ta hiện nay là:  
A. Bến Tre và Tiền Giang.                      B. Ninh Thuận và Bình Thuận.  
C. An Giang và Đồng Tháp.                      D. Cà Mau và Bạc Liêu .
12. Năng suất lao động của hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp chủ yếu là do  
A. Môi trường biển bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản suy giảm.  
B. Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được yêu cầu.  
C. Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm còn nhiều hạn chế.  
D. Tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt còn chậm được đổi mới .
13. Thuận lợi nào sau đây hầu như chỉ có ý nghĩa đối với việc khai thác thủy sản?  
A. Các cơ sở chế biến thủy sản ngày càng phát triển  
B. Nhân dân ta có kinh nghiệm về sản xuất thủy sản  
C. Dịch vụ thủy sản được phát triển rộng khắp  
D. Các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn.
14. Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là :  
A. Tạo sự đa dạng sinh học.                      B. Điều hoà nguồn nước của các sông.  
C. Điều hoà khí hậu, chắn gió bão.                      D. Cung cấp gỗ và lâm sản quý.

\*\*\*

15. Dựa vào bảng số liệu sau đây về sản lượng thủy sản của nước ta thời kì 1990 - 2005.  
(Đơn vị : nghìn tấn)

Chỉ tiêu	1990	1995	2000	2005
Sản lượng	890,6	1584,4	2250,5	3432,8
Khai thác	728,5	1195,3	1660,9	1995,4
Nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1437,4

Nhận định nào sau đây chưa chính xác ?

- A. Nuôi trồng tăng gần 8,9 lần trong khi khai thác chỉ tăng hơn 2,7 lần.  
B. Tốc độ tăng của nuôi trồng nhanh gấp hơn 2 lần tốc độ tăng của cả ngành.  
C. Sản lượng thủy sản giai đoạn 2000 - 2005 tăng nhanh hơn giai đoạn 1990 - 1995.  
D. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
16. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng trên 60% so với diện tích toàn tỉnh là?

- A. Nghệ An. C. Đắk Lắk.  
 B. Hà Tĩnh. D. Lâm Đồng .
17. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long?  
 A. An Giang . C. Đồng Tháp.  
 B. Kiên Giang. D. Cà Mau.
18. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản khai thác cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long?  
 A. Bạc Liêu. C. Sóc Trăng.  
 B. Kiên Giang . D. Cà Mau.
19. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết vùng nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản thấp nhất trong giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản?  
 A. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Đông Nam Bộ.  
 B. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Tây Nguyên .
20. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng từ trên 40 % - 60% so với diện tích toàn tỉnh là?  
 A. Nghệ An . C. Kon Tum.  
 B. Lai Châu. D. Tuyên Quang.
21. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác cao hơn sản lượng nuôi trồng?  
 A. Cà Mau. C. Bến Tre.  
 B. Kiên Giang . D. Bạc Liêu.
22. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trên 50 % trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản?  
 A. Quảng Ninh. C. Bình Thuận.  
 B. Bình Định. D. Bạc Liêu .
23. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60% ?  
 A. Tuyên Quang, Nghệ An, Đắk Lắk, Lâm Đồng.  
 B. Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kon Tum, Quảng Bình.  
 C. Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng.  
 D. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng .
24. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về biểu đồ diện tích rừng của nước ta qua các năm?  
 A. Tổng diện tích rừng nước ta tăng qua các năm.  
 B. Diện tích rừng tự nhiên qua các năm tăng liên tục.  
 C. Diện tích rừng trồng qua các năm tăng liên tục.  
 D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng .
- .....  
 .....

## **BÀI 25. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP**

\*\*\*

1. Sản phẩm chuyên môn hóa của vùng Tây Nguyên chủ yếu là:  
 A. Bò sữa. B. Cây công nghiệp ngắn ngày  
 C. Cây công nghiệp dài ngày . D. Gia cầm
2. Vùng có số lượng trang trại nhiều nhất của nước ta hiện nay là :  
 A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Tây Nguyên.  
 C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long .



3. Sản phẩm nông nghiệp có mức độ tập trung rất cao và đang tăng lên ở Đồng bằng sông Hồng là :
- A. Lúa gạo.                      B. Lợn .                      C. Đay.                      D. Đậu tương.
4. Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là :
- A. Trình độ thâm canh.                      C. Đặc điểm về đất đai và khí hậu .  
 B. Điều kiện về địa hình.                      D. Truyền thống sản xuất của dân cư.
5. Đây là điểm khác nhau trong điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long :
- A. Địa hình.                      B. Đất đai.                      C. Khí hậu .                      D. Nguồn nước.
6. Đa dạng hoá nông nghiệp sẽ có tác động :
- A. Tạo nguồn hàng tập trung cho xuất khẩu.  
 B. Giảm bớt tình trạng độc canh.  
 C. Giảm thiểu rủi ro trước biến động của thị trường .  
 D. Tạo điều kiện cho nông nghiệp hàng hoá phát triển.
7. Lúa, đay, cói, mía, vừng, thủy sản, cây ăn quả là sản phẩm chuyên môn hoá của vùng :
- A. Đồng bằng sông Hồng.                      B. Duyên hải miền Trung.  
 C. Đông Nam Bộ.                      D. Đồng bằng sông Cửu Long .
8. Đây là đặc điểm sinh thái nông nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- A. Đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi, khí hậu có mùa đông lạnh vừa.  
 B. Đồng bằng hẹp, đất khá màu mỡ, có nhiều vùng biển để nuôi trồng thủy sản .  
 C. Đồng bằng lớn, nhiều đất phèn đất mặn, khí hậu có hai mùa mưa, khô đối lập.  
 D. Đồng bằng lớn, đất lúa nước, sông ngòi nhiều, khí hậu có mùa đông lạnh.
9. Ý nào sau đây **không đúng** với điều kiện sinh thái nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
- A. Núi, cao nguyên, đồi thấp.  
 B. Thường xảy ra thiên tai ( bão, lụt ), nạn cát bay, gió Lào .  
 C. Đất feralit đỏ vàng, đất phù sa cổ bạc màu.  
 D. Khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh.
10. Ý nào sau đây **không đúng** với điều kiện kinh tế-xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
- A. Mật độ dân số tương đối thấp.  
 B. Điều kiện giao thông tương đối thuận lợi.  
 C. Tập trung rất nhiều cơ sở công nghiệp chế biến .  
 D. Dân có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp.
11. Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ( chè, trâu, sò, hò...) là đặc điểm của vùng:
- A. Đồng bằng sông Hồng.                      B. Bắc Trung Bộ.  
 C. Trung du và miền núi Bắc Bộ .                      D. Tây Nguyên.
12. Ý nào sau đây **không đúng** với điều kiện sinh thái nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Hồng?
- A. Đất phù sa sông Hồng và sông Thái Bình.  
 B. Có nhiều vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản .  
 C. Đồng bằng châu thổ có nhiều ô trũng.  
 D. Có mùa đông lạnh.
13. Cây ăn quả, dược liệu là chuyên môn hóa của vùng
- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ .                      B. Bắc Trung Bộ  
 C. Duyên hải Nam Trung Bộ.                      D. Đồng bằng sông Hồng
14. Trong cơ cấu trang trại theo loại hình sản xuất năm 2006, lớn nhất là loại hình trang trại

- A. Trồng cây lâu năm.
- C. Trồng cây hàng năm.

- B. Chăn nuôi
- D. Nuôi trồng thủy sản .

## BÀI 26. CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

\*\*\*

1. Hướng chuyên môn hoá của tuyến công nghiệp Đập Cầu - Bắc Giang là :
  - A. Vật liệu xây dựng và cơ khí.
  - B. Hoá chất và vật liệu xây dựng .
  - C. Cơ khí và luyện kim.
  - D. Dệt may, xi măng và hoá chất.
2. Đây là trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất của Duyên hải miền Trung.
  - A. Thanh Hoá.
  - B. Vinh.
  - C. Đà Nẵng .
  - D. Nha Trang.
3. Cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở:
  - A. Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp.
  - B. Số lượng các ngành công nghiệp.
  - C. Sự phân loại các ngành công nghiệp theo từng nhóm.
  - D. Tỷ trọng giá trị sản xuất của từng ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp .
4. Theo cách phân loại hiện hành nước ta có:
  - A. 2 nhóm với 28 ngành.
  - B. 3 nhóm với 29 ngành .
  - C. 4 nhóm với 30 ngành.
  - D. 5 nhóm với 31 ngành.
5. Ý nào sau đây **không đúng** với nhóm ngành theo phân loại hiện hành ở nước ta?
  - A. Nhóm công nghiệp chế tạo máy .
  - B. Nhóm công nghiệp khai thác.
  - C. Nhóm công nghiệp chế biến.
  - D. Nhóm sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.
6. Ngành công nghiệp nào sau đây không được coi là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?
  - A. Công nghiệp cơ khí- điện tử.
  - B. Công nghiệp luyện kim đen, màu .
  - C. Công nghiệp hóa chất-phân bón-cao su.
  - D. Công nghiệp chế biến lương thực-thực phẩm.
7. Sản xuất thủy điện là chuyên môn hóa sản xuất của cụm công nghiệp
  - A. Đập Cầu - Bắc Giang.
  - B. Đông Anh – Thái Nguyên
  - C. Hòa Bình- Sơn La .
  - D. Nam Định – Ninh Bình – Thanh Hóa
8. Ngành nào sau đây không được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?
  - A. Dệt – may.
  - B. Luyện kim..
  - C. Chế biến lương thực thực phẩm.
  - D. Năng lượng
9. Chiếm 1/2 tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước là vùng
  - A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
  - B. Đông Nam Bộ .
  - C. Đồng bằng sông Hồng.
  - D. Đồng bằng sông Cửu Long

\*\*\*

10. Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.
  - A. Đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp .
  - B. Tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.
  - C. Cân đối tỷ trọng giữa nhóm A và nhóm B.
  - D. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt .
11. Đây **không phải** là một đặc điểm quan trọng của các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay :

- A. Có thể mạnh lâu dài để phát triển.  
B. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.  
C. Có tác động đến sự phát triển các ngành khác.  
D. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm.
12. Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là :  
A. Chế biến nông, lâm, thủy sản. C. Điện năng .  
B. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Khai thác và chế biến dầu khí.
13. Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở :  
A. Là vùng có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.  
B. Là vùng có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.  
C. Là vùng tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước .  
D. Là vùng có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.
14. Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch theo hướng:  
A. Giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai thác .  
B. Giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến.  
C. Tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.  
D. Tất cả các ý trên.
15. Ý nào sau đây **không phải** là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?  
A. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.  
B. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.  
C. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.  
D. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
16. Vùng chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là:  
A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
17. Nguyên nhân làm cho một số vùng gặp nhiều khó khăn trong phát triển công nghiệp là  
A. Tài nguyên khoáng sản nghèo.  
B. Nguồn lao động có tay nghề ít  
C. Kết cấu hạ tầng còn yếu và vị trí không thuận lợi  
D. Các yếu tố tài nguyên, lao động, kết cấu, thị trường,... không đồng bộ.

\*\*\*

18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?  
A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh . C. Hà Nội, Hải Phòng.  
B. Hải Phòng, Bà Rịa- Vũng Tàu. D. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.
19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng của Đồng bằng Sông Cửu Long?  
A. Cần Thơ, Long Xuyên. C. Cà Mau, Long Xuyên.  
B. Cần Thơ, Cà Mau . D. Sóc Trăng, Mỹ Tho.
20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?  
A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ . C. Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng.  
B. Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng. D. Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.
21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Vinh thuộc

tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Bình.

C. Hà Tĩnh.

B. Quảng Trị.

D. Nghệ An .

22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp Đà Nẵng có giá trị sản xuất công nghiệp là

A. dưới 9 nghìn tỉ đồng.

C. từ trên 40-120 nghìn tỉ đồng.

B. từ 9-40 nghìn tỉ đồng .

D. trên 120 nghìn tỉ đồng.

23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, giá trị sản công nghiệp của tỉnh Quảng Ninh so với cả nước là

A. trên 0,5-1% .

C. trên 2,5-10% .

B. trên 1-2,5 % .

D. trên 10% .

24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước?

A. Duyên hải miền Trung.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng .

25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** về CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA CẢ NƯỚC THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ (%)?

A. Tỷ trọng khu vực nhà nước giảm.

B. Tỷ trọng khu vực ngoài nhà nước tăng.

C. Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

D. Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm .

26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào **không Đúng** về CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA CẢ NƯỚC PHÂN THEO NHÓM NGÀNH?

A. Tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.

B. Tỷ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng .

C. Tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có xu hướng giảm.

D. Tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có luôn chiếm tỷ trọng thấp nhất.

## **BÀI 27. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

\*\*\*

1. Vùng tập trung than nâu với quy mô lớn ở nước ta là :

A. Quảng Ninh.

B. Lạng Sơn.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Cà Mau.

2. Đường dây 500 KV nối :

A. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

B. Hoà Bình - Phú Lâm.

C. Lạng Sơn - Cà Mau.

D. Hoà Bình - Cà Mau.

3. Nhà máy điện chạy bằng dầu có công suất lớn nhất hiện nay là :

A. Phú Mỹ.

B. Phả Lại.

C. Hiệp Phước.

D. Hoà Bình.

4. Đây là cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thành 3 phân ngành.

A. Công dụng của sản phẩm.

B. Đặc điểm sản xuất.

C. Nguồn nguyên liệu.

D. Phân bố sản xuất.

5. Công nghiệp năng lượng gồm các phân ngành

A. Khai thác nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện lực

B. Khai thác nguyên, nhiên liệu và nhiệt điện

C. Khai thác than, dầu khí và nhiệt điện

- D. Khai thác than, dầu khí và thủy điện
- 6: Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta **không phải** là ngành
- A. dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài.
  - B. đem lại hiệu quả kinh tế cao.
  - C. có thể mạnh lâu dài.
  - D. tác động mạnh đến việc phát triển các ngành khác.
- 7: Nhà máy lọc dầu xây dựng đầu tiên ở nước ta là
- A. Dung Quất                      B. Bình Sơn                      C. Nghi Sơn                      D. Côn Sơn
- \*\*\*
8. Đây là điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam.
- A. Các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.
  - B. Miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.
  - C. Miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.
  - D. Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.
9. Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thủy điện của nước ta là :
- A. Sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thủy điện thấp.
  - B. Miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.
  - C. Sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.
  - D. Sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.
10. Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là :
- A. Có thị trường xuất khẩu rộng mở.
  - B. Có nguồn lao động dồi dào, lương thấp.
  - C. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng phong phú .
  - D. Có nhiều cơ sở, phân bố rộng khắp trên cả nước.
11. Nhà máy điện nào sau đây không chạy bằng tuốc bin khí?
- A. Phả Lại.                      B. Phú Mỹ.                      C. Bà Rịa.                      D. Cà Mau
12. Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam vì
- A. xa nguồn nguyên liệu .
  - B. nhu cầu về điện không cao như miền Bắc.
  - C. xây dựng ban đầu đòi hỏi vốn đầu tư lớn.
  - D. gây ô nhiễm môi trường
- 13: Nguyên nhân quan trọng nhất khiến Trung du và miền núi còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển công nghiệp là:
- A. thiếu nguồn lao động có tay nghề
  - B. kết cấu hạ tầng yếu kém đặc biệt là giao thông vận tải và điện
  - C. thị trường tiêu thụ hạn chế
  - D. nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế
- 14: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về
- A. thủy điện, điện nguyên tử.
  - B. nhiệt điện, thủy điện.
  - C. thủy điện, điện gió .
  - D. nhiệt điện, điện gió.
- 15: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng:
- A. Tây nguyên                      B. Bắc Trung Bộ
  - C. Trung du và miền núi Bắc Bộ                      D. Đông Nam Bộ

\*\*\*

16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

A. Hải Phòng, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu .

B. Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà

C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Cần Thơ.

D. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Cần Thơ.

17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

A. Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau .

C. Phả Lại, Phú Mỹ, Trà Nóc.

B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mỹ.

D. Bà Rịa, Phả Lại, Uông Bí.

18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất dưới 1000MW của vùng Đông Nam Bộ?

A. Thủ Đức, Phú Mỹ.

C. Bà Rịa, Trà Nóc.

B. Bà Rịa, Thủ Đức .

D. Phú Mỹ, Trà Nóc

19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

A. Hải Phòng, Hà Nội .

C. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

D. Đà Nẵng, Hà Nội.

20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn của vùng đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Long Xuyên, Cần Thơ.

C. Cà Mau, Cần Thơ .

B. Sóc Trăng, Rạch Giá.

D. Cà Mau, Rạch Giá.

21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **không đúng** về sản lượng khai thác dầu thô và than sạch của cả nước từ năm 2000 đến năm 2007?

A. Sản lượng dầu có xu hướng giảm.

B. Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh hơn dầu.

C. Sản lượng than có tốc độ tăng liên tục.

D. Sản lượng khai thác dầu và than tăng liên tục qua các năm.

22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng nhất nói về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000-2007?

A. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy-in văn phòng phẩm tăng liên tục .

B. Giá trị sản xuất dệt may giảm, da giày tăng, giấy in, văn phòng phẩm .

C. Giá trị sản xuất da giày giảm, dệt may-giấy-in- văn phòng phẩm .

D. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy-in- văn phòng phẩm giảm liên tục.

23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng nhất nói về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000-2007?

A. Da giày có giá trị thấp hơn giấy-in- văn phòng phẩm .

B. Dệt may luôn chiếm giá trị cao nhất .

C. Sản xuất giấy-in- văn phòng phẩm có xu hướng giảm.

D. Da giày tăng và chiếm giá trị lớn nhất.

## BÀI 28. VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

\*\*\*

1. Ở nước ta, vùng có nhiều khu công nghiệp tập trung nhất là :

A. bằng sông Hồng.

B. Duyên hải miền Trung.

C. Đông Nam Bộ .

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Các địa điểm dưới đây, nơi nào là một điểm công nghiệp ?

- A. Quy Nhơn.    B. Tĩnh Túc .                    C. Bắc Giang.                                    D. Hạ Long.
3. Khu công nghiệp tập trung ở nước ta ra đời vào thời kì :
- A. Từ năm 1960 ở miền Bắc.    C. Từ sau Đổi mới nền kinh tế - xã hội.  
 B. Từ sau 1975, khi đất nước đã thống nhất.    D. Từ thập niên 90 của thế kỉ XX..
4. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trẻ tuổi nhất của nước ta là :
- A. Điểm công nghiệp .    B. Khu công nghiệp.  
 C. Trung tâm công nghiệp.    D. Vùng công nghiệp.
5. Các điểm công nghiệp đơn lẻ thường hình thành ở các tỉnh miền núi của:
- A. Bắc Trung Bộ, Tây Bắc.    D. Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ.  
 B. Tây Bắc, Tây Nguyên .    C. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.
6. Theo quy hoạch của Bộ công nghiệp (2001), vùng công nghiệp 1 bao gồm
- A. Các tỉnh Trung du miền núi Bắc Bộ, trừ Quảng Ninh .  
 B. Các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và Quảng Ninh  
 C. Các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh  
 D. Các tỉnh Trung du miền núi Bắc Bộ
7. Những trung tâm nào sau đây được xếp vào nhóm có ý nghĩa vùng (hoặc quy mô trung bình)?
- A. Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ.    B. Nha Trang, Đà Nẵng, Huế  
 C. Hải Phòng, Cần Thơ, Nha Trang.    D. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ .
8. Vùng công nghiệp số 6 thuộc
- A. Các tỉnh Đông Nam Bộ và Bình Thuận Lâm Đồng  
 B. Các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long .  
 C. Các tỉnh thuộc Tây Nguyên, trừ Lâm Đồng  
 D. Các tỉnh thuộc Tây Nguyên và Lâm Đồng
- \*\*\*
9. Ý nào sau đây **không đúng** với khu công nghiệp?
- A. Do chính phủ quyết định thành lập.  
 B. Không có ranh giới địa lí xác định .  
 C. Không có dân cư sinh sống.  
 D. Chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.
10. Đặc điểm nào sau đây **không phải** của điểm công nghiệp?
- A. Chỉ bao gồm 1-2 xí nghiệp riêng lẻ  
 B. Phân bố gần nguồn nguyên, nhiên liệu hoặc trung tâm tiêu thụ  
 C. Giữa các xí nghiệp không có mối liên hệ về sản xuất  
 D. Mới được hình thành ở nước ta từ thập niên 90 của thế kỉ XX cho đến nay .
11. Đây là đặc điểm của một khu công nghiệp tập trung.
- A. Thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn.  
 B. Có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống .  
 C. Thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.  
 D. Ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.
12. Việt Trì là một trung tâm công nghiệp :
- A. Có quy mô lớn, có ý nghĩa quốc gia.  
 B. Có quy mô rất nhỏ, chỉ có ý nghĩa địa phương .  
 C. Có quy mô trung bình có ý nghĩa vùng.  
 D. Không phải là một trung tâm công nghiệp, chỉ là một điểm công nghiệp.
13. Sự phân chia các trung tâm công nghiệp thành 3 nhóm là dựa vào :

- A. Quy mô và chức năng của các trung tâm.
  - B. Sự phân bố các trung tâm trên phạm vi lãnh thổ.
  - C. Vai trò của các trung tâm trong phân công lao động theo lãnh thổ .
  - D. Hướng chuyên môn hoá và quy mô của các trung tâm.
- 14.** Trung tâm công nghiệp có ý nghĩa quốc gia ở nước ta hiện nay là :
- A. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh .
  - B. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
  - C. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ.
  - D. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Nam Định.
- 15.** Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khu công nghiệp và trung tâm công nghiệp ở nước ta.
- A. Trung tâm công nghiệp ra đời từ lâu còn khu công nghiệp mới ra đời trong thập niên 90 của thế kỉ XX.
  - B. Khu công nghiệp thường có trình độ chuyên môn hoá cao hơn trung tâm công nghiệp rất nhiều.
  - C. Khu công nghiệp có ranh giới địa lí được xác định còn trung tâm công nghiệp ranh giới có tính chất quy ước .
  - D. Khu công nghiệp là hình thức đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn trung tâm công nghiệp.
- 16.** Một trong những công cụ hữu hiệu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là:
- A. Hình thành các vùng công nghiệp.
  - B. Xây dựng các khu công nghiệp.
  - C. Phát triển các trung tâm công nghiệp.
  - D. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp .
- 17 :** Tỉnh Long An thuộc vùng công nghiệp nào?
- A. Vùng 1
  - B. Vùng 3
  - C. Vùng 5
  - D. Vùng 6.

.....HẾT.....